

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-PT

Ngày: 27-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/12/2017 và 27/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh R;

Địa chỉ: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức M, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 89, đường Đ, Phường A, Quận B, TP. H.

- Bị đơn: Lê Đăng C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 876, ấp N, xã Tân, huyện Th, tỉnh Đ.

- *Người kháng cáo:* Lê Đăng C là bị đơn trong vụ án.

(*Các đương sự có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Đức M trình bày:

Từ ngày 20/10/2015 đến ngày 22/10/2015, ông có thỏa thuận đặt mua ớt hiểm của anh Lê Đăng C với số lượng là 2.030 rổ (ớt đã thành phẩm đóng rổ), mỗi rổ là 8kg, với giá thỏa thuận theo từng ngày giao hàng, chất lượng phải đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu (ớt không bị thối, không bị đen đầu). Khi nào bên anh C giao đủ số hàng đã đặt xong, ông kiểm tra chất lượng hàng hóa, nếu đạt thì sẽ trả tiền cho anh C. Sau khi đặt hàng, bên anh C có giao cho ông số lượng hàng như sau:

+ Ngày 20/10/2015 giao 328 rổ, giá 28.500đ/kg, thành tiền là 74.784.000đ.

+ Ngày 21/10/2015 giao 736 rổ, giá 31.000đ/kg, thành tiền là 182.528.000đ.

+ Ngày 22/10/2015 giao 837 rổ, giá 31.000đ/kg, thành tiền là 207.576.000đ.

Tổng cộng bên anh C đã giao cho ông là 1.901 rổ ớt, với giá là 464.888.000đ. Trong thời gian anh C giao hàng, ngày 21/10/2015 và ngày 22/10/2015, ông có tạm ứng cho anh C 2 lần tiền với số tiền là 250.000.000đ. Sau khi anh C giao hàng xong, ông kiểm tra thì phát hiện hàng không đạt chất lượng, ông có báo cho anh C biết. Ngày 23/10/2015, anh C có cử anh Phan Thành N, là em ông rể anh C đến kiểm tra và thừa nhận hàng không đạt chất lượng, nên ngày 24/10/2015 anh C kêu anh N nhận lại toàn bộ số hàng là 1.901 rổ ớt mà anh C đã giao cho ông. Sau khi anh C nhận lại hàng thì từ đó cho đến nay, anh C không giao ớt khác cho ông để thay thế ớt không đạt chất lượng và cũng không trả lại số tiền mà ông đã tạm ứng cho anh C.

Vì vậy, ông yêu cầu anh C phải trả lại ông số tiền đã tạm ứng cho anh C để mua ớt là 250.000.000đ và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 23/10/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,125%/tháng.

- Bị đơn anh Lê Đăng C trình bày:

Anh thừa nhận vào ngày 20/10/2015, ông M có đặt mua ớt hiểm tươi của anh với số lượng khoảng 2.000 rổ, mỗi rổ là 8kg, chất lượng phải lựa sạch không có ớt bị thối và không có lá, với giá thỏa thuận theo từng ngày (giá cả được tính theo ngày giao hàng), giao đợt nào thì nghiệm thu đợt đó, khi nào đủ

số lượng hàng thì đối chiếu để thanh toán tiền. Sau khi thỏa thuận xong, anh có giao cho ông M số lượng hàng như sau:

- + Ngày 20/10/2015 giao 328 rổ, giá 28.500đ/kg, thành tiền là 74.784.000đ.
- + Ngày 21/10/2015 giao 736 rổ, giá 31.000đ/kg, thành tiền là 182.528.000đ.
- + Ngày 22/10/2015 giao 837 rổ (trong đó có 200 rổ của ông Thạnh), giá 31.000đ/kg, thành tiền là 207.576.000 đồng.

Tổng cộng anh đã giao cho ông M là 1.901 rổ, thành tiền là 464.888.000đ. Trong thời gian giao hàng cho ông M, từ ngày 21/10/2015 đến ngày 22/10/2015, ông M có tạm ứng cho anh số tiền mua ớt là 250.000.000đ. Sau khi anh giao hàng xong, ngày 23/10/2015 ông M có điện thoại cho anh biết là số ớt anh giao không đạt chất lượng. Lúc đó anh có cử anh Phan Thành N, là em rể của anh đến kiểm tra thì thấy hàng vẫn đạt chất lượng như đã thỏa thuận. Do thời điểm đó, giá ớt bên ngoài sụt giảm nhiều ông M không tiêu thụ được nên có nhờ anh mang toàn bộ số ớt mà anh đã giao cho ông M là 1.901 rổ để mang đi bán dùm cho ông M, lời lỗ bao nhiêu thì ông M chịu hết. Sau đó, anh thuê xe chở ớt qua T bán nhưng do hàng đang sụt giá, không bán được, anh đề nghị với ông M là để anh đem toàn bộ số ớt trên về phơi khô sau đó bán có lời hơn và được ông M đồng ý. Sau khi phơi khô xong anh đem bán, trừ các khoản chi phí, tính luôn số tiền 250.000.000đ mà ông M đã tạm ứng cho anh thì còn lỗ là 64.570.000đ. Anh nghĩ do ớt bị sụt giá cả hai bên đều bị lỗ nên anh không yêu cầu ông M trả lại số tiền này.

Nay ông M yêu cầu anh trả lại số tiền mà ông Mạnh đã tạm ứng cho anh là 250.000.000đ và yêu cầu tính lãi đối với số tiền này anh không đồng ý, mà anh yêu cầu ông M phải trả lại anh số tiền bán ớt cho ông Mạnh còn lỗ là 64.570.000đ.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số: 02/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Hộ kinh doanh R, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đức M đối với Hộ kinh doanh S, đại diện theo pháp luật ông Lê Đăng C.

Buộc Hộ kinh doanh S, đại diện theo pháp luật ông Lê Đăng C có trách nhiệm trả lại cho Hộ kinh doanh R số tiền tạm ứng mua ớt còn thiếu là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 60.750.000đ (Sáu

mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 310.750.000đ (Ba trăm mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Bác yêu cầu phản tố của Hộ kinh doanh S, đại diện theo pháp luật ông Lê Đăng C đối với Hộ kinh doanh R, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đức M về việc yêu cầu Hộ kinh doanh R phải trả lại số tiền bán ớt bị lỗ là 64.570.000đ (Sáu mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, thời hạn, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 21/8/2017 anh Lê Đăng C là bị đơn trong vụ án làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 02/2017/KDTM-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T. Anh không đồng ý trả cho ông M 250.000.000đ tiền tạm ứng mua ớt và tiền lãi 60.750.000đ, mà anh yêu cầu ông M phải trả cho anh 64.570.000đ tiền anh bán ớt bị lỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình và không thỏa thuận được toàn bộ nội dung tranh chấp của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Đăng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa anh C xác định chỉ có một mình anh kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 51E8000132 – TN/HKD, đăng ký lần đầu: Ngày 17/6/2014 tên Hộ kinh doanh S. Đồng thời, tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2016 ông M cũng xác định người bị kiện là anh Lê Đăng C và chỉ yêu cầu một mình anh C trả nợ nên xác định lại tư cách bị đơn của vụ án là anh Lê Đăng C.

[2] Xét thấy, hợp đồng mua bán ớt hiểm tươi giữa ông M và anh C là có thật, tuy hợp đồng giữa các bên không lập thành văn bản nhưng các bên đều thừa nhận và đã được thực hiện, cụ thể: Từ ngày 20/10/2015 đến ngày 22/10/2015, anh C có giao cho ông M tổng cộng 03 đợt là 1.901 rổ ớt, với giá là 464.888.000đ và từ ngày 21/10/2015 đến ngày 22/10/2015, ông M có tạm ứng cho anh C là 250.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 23/10/2015 khi ông M kiểm tra chất lượng ớt thì phát hiện hàng không đạt chất lượng nên có cho anh C biết và anh C có cho anh Phan Thành N (là em rể, người làm công cho anh C) đến kiểm tra và đã nhận lại toàn bộ số ớt đã giao cho ông M vào ngày 24/10/2015. Đồng thời, anh N có ký nhận vào sổ của ông M, có nội dung: “Gửi trả lại A. 6 C + A. T 1898kg ớt x 8kg”. Trong đó, có 200 rổ ớt của anh T và 03 rổ sỏ ra để kiểm tra cộng chung là 1.901 rổ. Do đó, ông M yêu cầu anh C trả lại 250.000.000đ tiền tạm ứng và lãi là có căn cứ.

[3] Anh Lê Đăng C cho rằng số ớt mà anh giao cho ông M đảm bảo đúng chất lượng như thỏa thuận. Nguyên nhân anh nhận lại toàn bộ số hàng trên là do ông M nhờ anh mang đi T bán giùm, lời lỗ bao nhiêu thì ông M chịu hết, nhưng do giá sụt không bán được nên anh mang về phơi khô, việc này cũng được ông M đồng ý. Sau khi trả lại cho ông T 200 rổ ớt, số còn lại anh bán trừ các khoản chi phí, tính luôn số tiền 250.000.000đ mà ông M đã tạm ứng vẫn còn lỗ 64.570.000đ nên từ đó cho đến nay anh không trả số tiền trên lại cho ông M. Xét lời trình bày của anh là chưa phù hợp. Bởi vì, ông M không thừa nhận việc này và anh cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là ông M có nhờ anh bán ớt giùm. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2017 của ông T là người có ớt gửi bán chung với anh ngày 22/10/2015 cũng xác nhận là ngày 23/10/2015 anh C có cho ông T biết là ớt bị lỗi phía ông M không nhận và để anh C mang qua T bán giùm luôn. Từ khi anh nhận lại số ớt

trên mang đi T bán không được và đem về phơi khô để bán, thì anh với ông M cũng không có quyết toán với nhau. Việc anh cho rằng sau khi bán ớt khô và trừ hết các khoản chi phí thì còn lỗ 64.570.000đ, số tiền này cũng tự anh tính toán không có sự đồng ý của ông M. Mặt khác, giữa anh và ông M cũng thừa nhận, từ trước đến nay 2 bên không quen biết nhau, không thường xuyên mua bán với nhau, 2 bên chỉ mới hợp đồng mua bán với nhau được 01 lần, nên không đủ tin tưởng để ông M giao hết số ớt trên cho anh đi bán giùm mà giữa 2 bên không có bất kỳ giấy tờ gì để thể hiện sự thỏa thuận trên.

[4] Tại phiên tòa, anh Phan Thành N cho rằng ngày 24/10/2015 anh C có cử anh đến kho của ông M để kiểm tra ớt, thấy ớt vẫn đạt chất lượng và anh có nhận 1.898 rổ ớt để chuyển lên xe mà anh C thuê. Anh thừa nhận có ký tên vào sổ của ông M, nhưng việc ký tên là để xác nhận số lượng ớt chuyển lên xe chứ không phải ký tên là để nhận lại ớt mà ông M trả lại. Lúc ký tên vào sổ của ông M thì giấy để trống chưa có viết nội dung gì. Xét lời trình bày của anh là không có cơ sở, bởi vì anh không có gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định ông M đã giao trả lại cho anh C số ớt nêu trên.

[5] Đối với yêu cầu của anh C, yêu cầu ông M phải trả lại số tiền bán ớt bị lỗ 64.570.000đ, nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh việc ông M có nhờ anh bán ớt giùm và khi bán bị lỗ số tiền trên. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của anh.

[6] Xét việc ông M yêu cầu anh C phải chịu lãi của số tiền 250.000.000đ, với mức lãi suất là 1,125%/tháng tính từ ngày 23/10/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là chỉ phù hợp một phần. Bởi vì, số tiền này là tiền ứng trước để trả tiền mua ớt và ông cũng không có gì chứng minh là sau khi anh C nhận lại hàng thì anh C phải trả lại tiền hoặc có thỏa thuận tính lãi. Do đó, chỉ có thể xem xét tính lãi chậm trả kể từ ngày xảy ra tranh chấp đó là ngày ông M làm đơn khởi kiện ngày 27/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/8/2017 là 471 ngày tương đương 15,7 tháng.

Tại phiên tòa anh C chỉ thừa nhận có nhận 1.898 rổ ớt chứ không phải 1.901 rổ, còn thiếu 03 rổ. Ông M cho rằng 03 rổ không ghi vào biên nhận là do sổ ra để kiểm tra, nay ông cũng đồng ý trả lại cho anh C 03 rổ này mỗi rổ 8kg

với giá 31.000đ/kg thành tiền là 744.000đ. Vì vậy, số tiền tạm ứng trước cho anh C còn lại là: 250.000.000đ – 744.000đ = 249.256.000đ.

Tiền lãi được tính như sau:

$249.256.000đ \times 1,125\% \times 15,7 \text{ tháng} = 44.024.000đ.$

Tổng cộng vốn và lãi là: $249.256.000đ + 44.024.000đ = 293.280.000đ.$

Xét đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Đăng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần như đã phân tích ở trên.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của anh Lê Đăng C là có căn cứ một phần. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của anh C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần kháng cáo nên anh Lê Đăng C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phức tạp theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2 Điều 308, Điều 309 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 39, Điều 40, Điều 306 của Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Đăng C.
2. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST, ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Hộ kinh doanh R.

+ Buộc anh Lê Đăng C có nghĩa vụ trả lại cho Hộ kinh doanh R số tiền tạm ứng mua ớt là 249.256.000đ và tiền lãi là 44.024.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 293.280.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lê Đăng C về việc yêu cầu Hộ kinh doanh R trả lại số tiền bán ớt bị lỗ là 64.570.000đ (Sáu mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng).

- Về án phí:

+ Anh Lê Đăng C phải chịu 17.892.500đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 1.614.000đ theo biên lai số 09267 ngày 07/6/2017; 300.000đ theo biên lai số 09188 ngày 21/8/2017; 1.700.000đ theo biên lai số 0000575 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, anh Lê Đăng C phải nộp tiếp 14.278.500đ.

+ Hộ kinh doanh R phải chịu 3.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.834.000đ theo biên lai số 07460 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, số tiền chênh lệch Hộ kinh doanh R được nhận lại là 4.834.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TA Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sỹ Danh Đạt

